

Bản án số: 08/2018/HNGĐ-PT

Ngày 01-3-2018.

*“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn”.*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Chiến

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thuyên

Bà Phạm Thị Thông

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tú – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Cần – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 12/2017/TLPT-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2017 về *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn”*.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 10/2017/HNGĐ-ST, ngày 20 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 01/2018/QĐ-PT ngày 23-01-2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2018/QĐ-PT ngày 31-01-2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị K – Có mặt

Địa chỉ: Bon J, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông

Bị đơn: Anh Vũ Đình P – Có mặt

Địa chỉ: Bon P, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. NLQ1 và NLQ2 – Có mặt

Địa chỉ: Bon J, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông

2. NLQ3 – Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn D, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc

Người kháng cáo: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị K

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18-01-2016, đơn khởi kiện bổ sung ngày 05-5-2016, đơn rút yêu cầu khởi kiện bổ sung ngày 23-6-2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị K trình bày:

Ngày 25-12-2013 chị Nguyễn Thị K và anh Vũ Đình P đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh V, hôn nhân dựa trên cơ sở tình yêu tự nguyện, không bị ép buộc. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng sống hạnh phúc với nhau được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xúc phạm và cãi vã, anh P thường xuyên chửi bới, đánh đập chị K. Mặc dù đã được gia đình khuyên bảo nhiều lần nhưng anh P vẫn không thay đổi, từ đó dẫn đến tình cảm vợ, chồng ngày càng phai nhạt, chị K đã sống ly thân với anh P từ cuối năm 2015 đến nay. Nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Nguyễn Thị K khởi kiện yêu cầu Tòa án cho ly hôn với anh P.

Về con chung: Chị K và anh P có 01 con chung là cháu Vũ Đức Q, sinh ngày 26-8-2014, hiện đang ở cùng với chị K. Chị K yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Vũ Đức Q đến tuổi trưởng thành và yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung: Chị K yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung là: 01 thửa đất số 7, tờ bản đồ số 7, diện tích 5.540m², tọa lạc tại bon P, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, trên đất có 01 căn nhà dựng bằng tôn. Chị K yêu cầu được nhận ½ diện tích đất có nhà.

Ngày 05-5-2016 chị Nguyễn Thị K có đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án phân chia thêm các tài sản chung là: 01 bộ đồ nghề nấu rượu (gồm 01 nồi nấu rượu, 01 nồi nấu cơm); 05 thùng phi bằng nhựa; 01 bồn đựng nước bằng inox; 05 xe củi nấu rượu; 500 kg gạo nấu rượu; số tiền lương của anh P từ tháng 01-2015 đến tháng 4-2015 là 26.000.000 đồng.

Ngày 23-6-2017 chị K có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện bổ sung ngày 05-5-2016.

Về nợ chung: Quá trình chung sống, chị K, anh P có nợ NLQ1 và NLQ2 số tiền 73.000.000 đồng, yêu cầu Tòa án chia đôi số tiền nợ của NLQ1 và NLQ2.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn anh Vũ Đình P yêu cầu chị K phải trả ½ khoản nợ 25.000.000 đồng của NLQ3 thì chị K đồng ý vì đây là khoản nợ chung của chị K, anh P.

Đối với yêu cầu độc lập của NLQ1 và NLQ2 yêu cầu anh P, chị K phải trả số tiền 102.000.000 đồng tiền chi phí đã nuôi gia đình anh P, chị K khi còn sống chung nhà từ tháng 02-2014 đến tháng 7-2015 thì chị K đồng ý trả ½ số tiền.

Theo đơn phản tố đề ngày 27-3-2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Vũ đình P trình bày:

Anh P thừa nhận lời trình bày của chị K về tình trạng hôn nhân là đúng và đồng ý ly hôn với chị K.

Về con chung: Anh P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Vũ Đức Q, sinh ngày 26-8-2014 đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu chị K cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Anh P đề nghị Tòa án chia đôi thửa đất và đề nghị được giao phần đất có căn nhà.

Về nợ chung: Anh P thừa nhận anh P, chị K có nợ NLQ1 và NLQ2 số tiền 73.000.000 đồng, tuy nhiên anh P đã trả toàn bộ số tiền trên cho NLQ1 và NLQ2. Quá trình vay không lập giấy tờ nên đến khi trả anh P cũng không lập giấy tờ gì. Vì vậy, anh Phú không đồng ý trả $\frac{1}{2}$ số nợ trên theo yêu cầu của chị K.

Đối với yêu cầu độc lập của NLQ1 và NLQ2 yêu cầu anh P, chị K phải trả số tiền 102.000.000 đồng tiền chi phí đã nuôi gia đình anh P, chị K khi còn sống chung nhà từ tháng 02-2014 đến tháng 7-2015 thì anh P không đồng ý vì cho rằng anh không sống với NLQ1 và NLQ2, trong thời gian chị K ở nhờ thì đã phụ giúp NLQ1 và NLQ2 trong việc buôn bán.

Ngày 27-3-2017, anh Vũ Đình P có đơn phản tố, yêu cầu Tòa án chia đôi số nợ của NLQ3 là 25.000.000 đồng vì đây là số nợ chung của anh P, chị K.

Theo đơn yêu cầu độc lập đề ngày 04-4-2016 và trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập NLQ1 và NLQ2 trình bày:

Vào năm 2014 NLQ1 và NLQ2 có cho anh P, chị K vay số tiền 73.000.000 đồng để mua đất, vì chị K là con gái nên quá trình cho vay hai bên không lập giấy tờ gì và không thỏa thuận lãi suất, anh P và chị K vẫn chưa trả số tiền trên. Nay, chị K khởi kiện ly hôn với anh P thì NLQ1 và NLQ2 yêu cầu Toà án buộc chị K, anh P trả số tiền 73.000.000 đồng, không yêu cầu lãi suất.

Ngày 04-4-2016 NLQ1 và NLQ2 có đơn yêu cầu độc lập yêu cầu Tòa án buộc anh P, chị K phải trả số tiền 102.000.000 đồng tiền chi phí đã nuôi gia đình anh P, chị K khi còn sống chung nhà từ tháng 02-2014 đến tháng 7-2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ, liên quan NLQ3 trình bày:

Vào khoảng tháng 9-2014, vợ chồng anh P, chị K có vay của NLQ3 số tiền 25.000.000 đồng, khi vay hai bên không có thỏa thuận hay lập giấy tờ. Nay chị K khởi kiện xin ly hôn với anh P thì NLQ3 yêu cầu chị K, anh P trả lại số tiền 25.000.000 đồng, không yêu cầu lãi suất. Tuy nhiên, NLQ3 không có đơn yêu cầu độc lập trong vụ án.

Tại Bản án số: 10/2017/HNGĐ-ST ngày 20-9-2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông đã căn cứ khoản 1, khoản 5 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 93; Điều 143; Điều 147; Điều 264; Điều 266; Điều 267; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 51, 53, 56, 59, 62, 81, 82, 83, 84 và Điều 85 Luật Hôn nhân và gia đình; Pháp lệnh án phí và lệ phí Tòa án năm 2009;

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị K.

Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn anh Vũ Đình P.

Không chấp nhận yêu cầu độc lập của NLQ1 và NLQ2.

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị K được ly hôn với anh Vũ Đình P.

2. Về con chung: Không chấp nhận yêu cầu được nuôi con chung của chị Nguyễn Thị K. Giao cháu Vũ Đức Q, sinh ngày 26-8-2014 cho anh Vũ Đình P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Q cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

3. *Về cấp dưỡng*: Không chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng của chị K. Anh Vũ Đình P không yêu cầu cấp dưỡng nên không giải quyết.

4. *Về tài sản chung*: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự: - Đình chỉ xét xử đối với đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện đề ngày 05-5-2016 của nguyên đơn chị Nguyễn Thị K về phân chia các tài sản chung sau: 01 bộ đồ nghề nấu rượu (gồm 01 nồi nấu rượu, 01 nồi nấu cơm); 05 thùng phi bằng nhựa; 01 bồn đựng nước bằng inox; 05 xe củi nấu rượu; 500 kg gạo nấu rượu; số tiền lương của anh P từ tháng 01-2015 đến tháng 4-2015 là 26.000.000 đồng.

Các đương sự có quyền khởi kiện lại đối với yêu cầu bổ sung đề ngày 05-5-2016 bằng một vụ kiện dân sự khác nếu có yêu cầu.

Giao cho anh Vũ Đình P được quyền sử dụng và định đoạt đối với thửa đất thứ 01 có diện tích 1919,6m² có tứ cận: Phía Đông giáp suối, phía Tây giáp đường QL 14, phía Nam giáp phần đất thửa đất thứ 02, phía Bắc giáp đất phần đất bà C, 01 căn nhà làm năm 2015 có diện tích 12m x 5,1m xây tường 10cm, cao 1m được thưng tôn, cột kèo bằng sắt, cửa bằng sắt, chiều cao phía sau nhà là 4,6m, chiều cao phía trước và hiên nhà là 3,5m, nền nhà có 4m x 5,1m nền xi măng, 8m x 5,1m gạch bát, 01 phòng ngủ được quây bằng tôn diện tích 9m², chiều dài nằm trong lộ giới là 6m, hiên nhà 3m x 5,1m nền xi măng, cột kèo bằng sắt, cao 3,5m và toàn bộ tài sản trên phần đất thửa nhất, tọa lạc tại bon P, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Giao cho chị Nguyễn Thị K được sử dụng, định đoạt đối với phần thửa đất thứ 02 có diện tích 1973,4m² đất trồng cây lâu năm, có tứ cận: Phía Đông giáp suối, phía Tây giáp đường QL 14, phía Nam giáp đất ông N, phía Bắc giáp đất phần thửa nhất và toàn bộ tài sản trên đất, tọa lạc tại bon P, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

(Đặc điểm các thửa đất theo sơ đồ đã đi xem xét thẩm định tại bút lục số 94)

Chấp nhận việc tự nguyện thỏa thuận giữa anh P và chị K đối với việc tháo dỡ 01 căn nhà bếp tạm, buộc anh P, chị K tháo dỡ căn bếp tạm khi được chia đất.

Buộc anh Vũ Đình P phải trả cho chị Nguyễn Thị K số tiền do chênh lệch về giá trị tài sản là 53.747.000 (*Năm mươi ba triệu bảy trăm bốn mươi bảy ngàn*) đồng.

5. *Về nợ chung*: Buộc chị Nguyễn Thị K và anh Vũ Đình P mỗi người phải trả 36.500.000 (*Ba mươi sáu triệu năm trăm ngàn*) đồng cho NLQ1 và NLQ2. Buộc chị Nguyễn Thị K và anh Vũ Đình P mỗi người phải trả cho NLQ3 12.500.000 (*Mười hai triệu năm trăm ngàn*) đồng.

Không chấp nhận đơn yêu cầu độc lập của NLQ1 và NLQ2 đối với số tiền 102.000.000 (*Một trăm lẻ hai triệu*) đồng tiền nuôi anh P, chị K trong thời gian từ tháng 02-2014 đến tháng 7-2015.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về quyền thăm nom con chung, thay đổi người nuôi con, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 27-9-2017 nguyên đơn chị Nguyễn Thị K có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm số: 10/2017/HNGĐ-ST ngày 20-9-2017 của Tòa

án nhân dân huyện Đ, những vấn đề cụ thể yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm giải quyết bao gồm:

- Yêu cầu Toà án cho chị được quyền trực tiếp nuôi con chung và buộc anh Vũ Đình P cấp dưỡng 2.000.000 đồng/1tháng

- Yêu cầu Toà án chia cho chị K được sử dụng phần diện tích đất có nhà.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Nguyễn Thị K và anh Vũ Đình P đã thống nhất thỏa thuận về toàn bộ nội dung kháng cáo, cụ thể như sau:

- Về quyền nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị K và anh Vũ Đình P thống nhất thỏa thuận giao con chung là cháu Vũ Đức Q, sinh ngày 26-8-2014 cho chị Nguyễn Thị K trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi. Chị K không yêu cầu anh Vũ Đình P cấp dưỡng nuôi con.

Anh Vũ Đình P có quyền đi lại, thăm nom con chung, không ai có quyền cản trở, nếu chị K và các thành viên trong gia đình cản trở thì anh P có quyền yêu cầu Toà án có thẩm quyền thay đổi việc nuôi con. Trường hợp nếu anh P lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con của chị K thì chị K có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con chung của anh P.

- Về chia tài sản chung đối với quyền sử dụng đất: Chị Nguyễn Thị K và anh Vũ Đình P thống nhất thỏa thuận:

Chị K được quyền sử dụng diện tích đất 2062,9m² (Đã trừ hành lang giao thông), trong đó có 120m² đất ở, 1942,9m² đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa đất số 7, tờ bản đồ 7 (Hiện nay là thửa đất số 24, tờ bản đồ số 97), Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 950704 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 29-12-2014, bao gồm phần đất số 01 và phần đất số 03, cụ thể như sau: phần đất số 01 có diện tích 1919,6m² đất trồng cây lâu năm, có tứ cận: Phía Đông giáp suối dài 10,95m; phía Tây giáp đất của bà C và phần đất số 03 chia cho chị K dài 9,92m; phía Nam giáp phần đất số 02 chia cho anh P dài 183,68 m; phía Bắc giáp đất của bà C dài 174,8m. Phần đất số 03 có diện tích 143,3m², trong đó có 120m² đất ở, 23,3m² đất trồng cây lâu năm, có tứ cận: Phía Đông giáp phần đất số 01 chia cho chị K và phần đất số 02 chia cho anh P dài 5,4m; Phía Tây giáp với đường quốc lộ 14 dài 5,24m; phía Nam giáp phần đất số 04 chia cho anh P dài 26,7m; phía Bắc giáp đất của bà C dài 27,4m.

Chị Nguyễn Thị K được sở hữu 01 căn nhà có diện tích 12m x 5,1m, xây tường 10cm, cao 1m còn lại thưng tôn, cột kèo bằng sắt, cửa bằng sắt, chiều cao phía sau nhà là 4,6m, chiều cao phía trước và hiên nhà là 3,5m, nền nhà có 4m x 5,1m lán xi măng, 8m x 5,1m gạch bát; 01 phòng ngủ được xây bằng tôn diện tích 9m²; chiều dài của nhà nằm trong lộ giới là 6m; hiên nhà có diện tích 3m x 5,1m, nền lán xi măng, cột kèo bằng sắt, mái lợp tôn, cao 3,5m và được quyền sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền với thửa đất nêu trên. Giá trị quyền sử dụng đất là: 329.198.920 (*Ba trăm hai mươi chín triệu một trăm chín mươi tám ngàn chín trăm hai mươi*) đồng; giá trị căn nhà là: 27.540.000 (*Hai mươi bảy triệu năm trăm bốn mươi ngàn*) đồng.

Anh Vũ Đình P được quyền sử dụng thửa đất diện tích 2103,8m² (Đã trừ hành lang giao thông) đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa đất số 7, tờ bản đồ 7

(Hiện nay là thửa đất số 24, tờ bản đồ số 97), Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 950704 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 29-12-2014, bao gồm phần đất số 02 và phần đất số 04, cụ thể như sau: Phần đất số 02 có diện tích 1973,4m² đất trồng cây lâu năm, có tứ cận: Phía Đông giáp suối dài 10,95m; phía Tây giáp phần đất số 03 chia cho chị K và phần đất số 04 chia cho anh P dài 9,92m; phía Nam giáp đất của ông N dài 184,7m; Phía Bắc giáp phần đất số 01 chia cho chị K dài 183,68m. Phần đất số 04 diện tích 130,4m² đất trồng cây lâu năm, có tứ cận: Phía Đông giáp phần đất số 02 chia cho anh P dài: 5,4m; phía Tây giáp đường quốc lộ 14 dài: 5,03m; phía Nam giáp đất ông N dài: 26,2m; phía Bắc giáp phần đất số 03 chia cho chị Nguyễn Thị K dài 26,7m; anh Vũ Đình P được quyền sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền với thửa đất nêu trên. Giá trị quyền sử dụng đất là: 253.341.700 (Hai trăm năm mươi ba triệu ba trăm bốn mươi một ngàn bảy trăm) đồng.

(Đặc điểm các thửa đất theo sơ đồ đo đạc của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Đắk Song kèm theo)

Anh Vũ Đình P được quyền ở lại căn nhà diện tích 12m x 5,1m chia cho chị Nguyễn Thị K trong thời gian 03 tháng kể từ ngày 01-3-2018 nhưng không được làm thay đổi hiện trạng, kết cấu của căn nhà. Chị Nguyễn Thị K sẽ trả cho anh P số tiền chênh lệch về giá trị tài sản là 53.747.000đ (Năm mươi ba triệu bảy trăm bốn mươi bảy ngàn đồng) vào ngày 01-6-2018 đồng thời đây cũng là ngày anh P phải bàn giao nhà cho chị K. Nếu đến thời hạn trên, chị K không thực hiện đúng thỏa thuận thì phải chịu lãi suất chậm thi hành án đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự.

Đối với 01 căn nhà bếp tạm trên đất: Chị K, anh P thỏa thuận chị K, anh P tự nguyện tháo dỡ đối với phần nhà bếp tạm trên phần đất của mỗi người được chia.

- Về án phí sơ thẩm: Chị K, anh P thỏa thuận nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Nhận thấy thỏa thuận của các bên đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của Luật và không trái với đạo đức xã hội nên Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, sửa bản án sơ thẩm số: 10/2017/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 9 năm 2017 Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông theo đúng như thỏa thuận của các đương sự tại phiên toà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị K, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu lưu trong hồ sơ, kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Tại phiên toà phúc thẩm, chị Nguyễn Thị K và anh Vũ Đình P đã thống nhất thỏa thuận được với nhau về toàn bộ nội dung kháng cáo. Việc thỏa thuận nêu trên là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái

đại đức xã hội nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận và căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thoả thuận của các đương sự về quyền nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản chung.

[2]. Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3]. Về án phí sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị K phải chịu 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí về yêu cầu xin ly hôn; 15.163.246 (Mười lăm triệu một trăm sáu mươi ba ngàn hai trăm bốn mươi sáu) đồng án phí có dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với yêu cầu chia tài sản chung; 2.450.000 (Hai triệu bốn trăm năm mươi ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với yêu cầu chia nợ chung. Tổng cộng là 17.813.246 (Mười bảy triệu tám trăm mười ba ngàn hai trăm bốn mươi sáu) đồng được khấu trừ số tiền 8.562.500 (Tám triệu năm trăm sáu mươi hai ngàn năm trăm) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000689 ngày 21-01-2016 và biên lai số 0001971 ngày 06-5-2016 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đ. Chị Nguyễn Thị K còn phải nộp 9.250.746 (Chín triệu hai trăm năm mươi ngàn bảy trăm bốn mươi sáu) đồng.

Anh Vũ Đình P phải chịu 15.354.435 (Mười lăm triệu ba trăm năm mươi bốn ngàn bốn trăm ba mươi lăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với yêu cầu chia tài sản chung; 2.450.000 (Hai triệu bốn trăm năm mươi ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với yêu cầu chia nợ chung. Tổng cộng là 17.804.435 (Mười bảy triệu tám trăm lẻ bốn ngàn bốn trăm ba mươi lăm) đồng được khấu trừ số tiền 625.000 (Sáu trăm hai mươi lăm ngàn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004067 ngày 17-3-2017 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đ. Anh Vũ Đình P còn phải nộp 17.179.435 (Mười bảy triệu một trăm bảy mươi chín ngàn bốn trăm ba mươi lăm) đồng.

[4]. Về án phí phúc thẩm: Chị Nguyễn Thị K phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000372 ngày 10-10-2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Sửa bản án sơ thẩm số: 10/2017/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 9 năm 2017 Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, công nhận sự thoả thuận của chị Nguyễn Thị K và anh Vũ Đình P về quyền nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản chung, cụ thể như sau:

1. Về quyền nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị K và anh Vũ Đình P thống nhất thoả thuận giao con chung là cháu Vũ Đức Q, sinh ngày 26-8-2014 cho chị Nguyễn Thị K trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi. Chị K không yêu cầu anh Vũ Đình P cấp dưỡng nuôi con.

Anh Vũ Đình P có quyền đi lại, thăm nom con chung, không ai có quyền cản trở, nếu chị K và các thành viên trong gia đình cản trở thì anh P có quyền yêu cầu Toà án có thẩm quyền thay đổi việc nuôi con. Trường hợp nếu anh P lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con của chị K thì chị K có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con chung của anh P.

2. Về chia tài sản chung:

Đình chỉ xét xử đối với đơn bỏ sung yêu cầu khởi kiện đề ngày 05-5-2016 của nguyên đơn chị Nguyễn Thị K về phân chia các tài sản chung sau: 01 bộ đồ nghề nấu rượu (gồm 01 nồi nấu rượu, 01 nồi nấu cơm); 05 thùng phi bằng nhựa; 01 bồn đựng nước bằng inox; 05 xe củi nấu rượu; 500 kg gạo nấu rượu; số tiền lương của anh P từ tháng 01/2015 – tháng 4/2015 là 26.000.000 đồng.

Công nhận sự thoả thuận của chị Nguyễn Thị K và anh Vũ Đình P về phân chia quyền sử dụng đất, cụ thể như sau:

Chị K được quyền sử dụng diện tích đất 2062,9m² (Đã trừ hành lang giao thông), trong đó có 120m² đất ở, 1942,9m² đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa đất số 7, tờ bản đồ 7 (Hiện nay là thửa đất số 24, tờ bản đồ số 97), Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 950704 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 29-12-2014, bao gồm phần đất số 01 và phần đất số 03, cụ thể như sau: phần đất số 01 có diện tích 1919,6m² đất trồng cây lâu năm, có tứ cận: Phía Đông giáp suối dài 10,95m; phía Tây giáp đất của bà C và phần đất số 03 chia cho chị K dài 9,92m; phía Nam giáp phần đất số 02 chia cho anh P dài 183,68 m; phía Bắc giáp đất của bà C dài 174,8m. Phần đất số 03 có diện tích 143,3m², trong đó có 120m² đất ở, 23,3m² đất trồng cây lâu năm, có tứ cận: Phía Đông giáp phần đất số 01 chia cho chị K và phần đất số 02 chia cho anh P dài 5,4m; Phía Tây giáp với đường quốc lộ 14 dài 5,24m; phía Nam giáp phần đất số 04 chia cho anh P dài 26,7m; phía Bắc giáp đất của bà C dài 27,4m.

Chị Nguyễn Thị K được sở hữu 01 căn nhà có diện tích 12m x 5,1m, xây tường 10cm, cao 1m còn lại thưng tôn, cột kèo bằng sắt, cửa bằng sắt, chiều cao phía sau nhà là 4,6m, chiều cao phía trước và hiên nhà là 3,5m, nền nhà có 4m x 5,1m lát xi măng, 8m x 5,1m gạch bát; 01 phòng ngủ được xây bằng tôn diện tích 9m²; chiều dài của nhà nằm trong lộ giới là 6m; hiên nhà có diện tích 3m x 5,1m, nền lát xi măng, cột kèo bằng sắt, mái lợp tôn, cao 3,5m và được quyền sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền với thửa đất nêu trên. Giá trị quyền sử dụng đất là: 329.198.920 (*Ba trăm hai mươi chín triệu một trăm chín mươi tám ngàn chín trăm hai mươi*) đồng; giá trị căn nhà là: 27.540.000 (*Hai mươi bảy triệu năm trăm bốn mươi ngàn*) đồng.

Anh Vũ Đình P được quyền sử dụng thửa đất diện tích 2103,8m² (Đã trừ hành lang giao thông) đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa đất số 7, tờ bản đồ 7 (Hiện nay là thửa đất số 24, tờ bản đồ số 97), Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 950704 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 29-12-2014, bao gồm phần đất số 02 và phần đất số 04, cụ thể như sau: Phần đất số 02 có diện tích 1973,4m² đất trồng cây lâu năm, có tứ cận: Phía Đông giáp suối dài 10,95m; phía Tây giáp phần đất số 03 chia cho chị K và phần đất số 04 chia cho anh P dài 9,92m; phía Nam giáp đất của ông N dài 184,7m; Phía Bắc giáp phần đất số

01 chia cho chị K dài 183,68m. Phần đất số 04 diện tích 130,4m² đất trồng cây lâu năm, có tứ cận: Phía Đông giáp phần đất số 02 chia cho anh P dài: 5,4m; phía Tây giáp đường quốc lộ 14 dài: 5,03m; phía Nam giáp đất ông N dài: 26,2m; phía Bắc giáp phần đất số 03 chia cho chị Nguyễn Thị K dài 26,7m; anh Vũ Đình P được quyền sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền với thửa đất nêu trên. Giá trị quyền sử dụng đất là: 253.341.700 (*Hai trăm năm mươi ba triệu ba trăm bốn mươi một ngàn bảy trăm*) đồng.

(*Đặc điểm các thửa đất theo sơ đồ đo đạc của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Đắk Song kèm theo*)

Anh Vũ Đình P được quyền ở lại căn nhà diện tích 12m x 5,1m chia cho chị Nguyễn Thị K trong thời gian 03 tháng kể từ ngày 01-3-2018 nhưng không được làm thay đổi hiện trạng, kết cấu của căn nhà. Chị Nguyễn Thị K sẽ trả cho anh P số tiền chênh lệch về giá trị tài sản là 53.747.000đ (*Năm mươi ba triệu bảy trăm bốn mươi bảy ngàn đồng*) vào ngày 01-6-2018 đồng thời đây cũng là ngày anh P phải bàn giao nhà cho chị K. Nếu đến thời hạn trên, chị K không thực hiện đúng thoả thuận thì phải chịu lãi suất chậm thi hành án đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

Đối với 01 căn nhà bếp tạm trên đất: Chị K, anh P thoả thuận chị K, anh P tự nguyện tháo dỡ đối với phần nhà bếp tạm trên phần đất của mỗi người được chia.

2. Về án phí sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị K phải chịu 200.000 (*Hai trăm ngàn*) đồng án phí về yêu cầu xin ly hôn; 15.163.246 (*Mười lăm triệu một trăm sáu mươi ba ngàn hai trăm bốn mươi sáu*) đồng án phí có dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với yêu cầu chia tài sản chung; 2.450.000 (*Hai triệu bốn trăm năm mươi ngàn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với yêu cầu chia nợ chung. Tổng cộng là 17.813.246 (*Mười bảy triệu tám trăm mười ba ngàn hai trăm bốn mươi sáu*) đồng được khấu trừ số tiền 8.562.500 (*Tám triệu năm trăm sáu mươi hai ngàn năm trăm*) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000689 ngày 21-01-2016 và biên lai số 0001971 ngày 06-5-2016 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đ. Chị Nguyễn Thị Kim còn phải nộp 9.250.746 (*Chín triệu hai trăm năm mươi ngàn bảy trăm bốn mươi sáu*) đồng.

Anh Vũ Đình P phải chịu 15.354.435 (*Mười lăm triệu ba trăm năm mươi bốn ngàn bốn trăm ba mươi lăm*) đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với yêu cầu chia tài sản chung; 2.450.000 (*Hai triệu bốn trăm năm mươi ngàn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với yêu cầu chia nợ chung. Tổng cộng là 17.804.435 (*Mười bảy triệu tám trăm lẻ bốn ngàn bốn trăm ba mươi lăm*) đồng được khấu trừ số tiền 625.000 (*Sáu trăm hai mươi lăm ngàn*) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004067 ngày 17-3-2017 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đ. Anh Vũ Đình P còn phải nộp 17.179.435 (*Mười bảy triệu một trăm bảy mươi chín ngàn bốn trăm ba mươi lăm*) đồng.

3. Về án phí phúc thẩm: Chị Nguyễn Thị K phải chịu 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm, được trừ vào 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000372 ngày 10-10-2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Buộc chị Vũ Thị K và anh Vũ Đình P mỗi người phải chịu 4.525.000 (*Bốn triệu năm trăm hai mươi lăm ngàn*) đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Do chị Nguyễn Thị K đã nộp toàn bộ số tiền trên nên anh P phải trả lại cho chị Nguyễn Thị K 4.525.000 (*Bốn triệu năm trăm hai mươi lăm ngàn*) đồng.

5. Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.”

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã T, huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Chiến